

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/DS-ST

Ngày: 18-10-2023

Vv: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Bà Huỳnh Anh Thư.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Cao Thị Minh H, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: tổ 2, khu phố 3, phường H, thành phố U, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: ấp Bình Hưng, xã Đ, thành phố U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Phước Hoàng M1, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: 62 Nguyễn Huy T, phường Đ, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số 68/23A Trần Quang Kh, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 01/6/2023); có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: tổ 10, ấp L, xã Đ, thành phố U, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Đặng Phước Hoàng M1 trình bày: Thống nhất với kết quả giám định tại bản Kết luận giám định số 296/KL-KTHS (ĐV) ngày 11/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đối với dấu vân tay của bà Trần Thị Ngọc M trên Biên nhận mượn tiền đề ngày 14/01/2023.

Bà Cao Thị Minh H và bà Trần Thị Ngọc M có mối quan hệ quen biết nhiều năm. Ngày 14/01/2023, bà H cho M vay số tiền 7.500.000.000 đồng (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng). Việc vay tiền có lập thành văn bản là Biên nhận mượn tiền ghi cùng ngày 14/01/2023; hai bên thoả thuận miệng lãi suất bằng lãi suất của ngân hàng. Theo biên nhận mượn tiền thì bà M cam kết đến ngày 14/3/2023 sẽ trả toàn bộ số tiền vay trên cho bà H. Biên nhận mượn tiền ngày 14/3/2023 được bà M ký tên, ghi họ tên và lấn tay xác nhận.

Tuy nhiên, đến ngày 14/3/2023 bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Bà H nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M hứa hẹn rồi cũng không trả. Do đó, bà H khởi kiện bà M đến Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Ngọc M có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị Minh H các khoản tiền gồm: Tiền nợ gốc là 7.500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 15/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 07 tháng) là 437.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà M có nghĩa vụ trả cho bà H là 7.937.000.000 đồng (Bảy tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Biên nhận mượn tiền ngày 14/01/2023 của bà Trần Thị Ngọc M.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Ngọc M trình bày: Bà Trần Thị Ngọc M và bà Cao Thị Minh H quen biết nhau nhiều năm. Từ năm 2019 đến năm 2023 bà M đã nhiều lần vay tiền từ bà H. Do là chỗ quen biết nhiều năm nên việc vay mượn không có lập thành văn bản. Sau khi vay tiền thì bà M cũng đã trả cho bà H như thoả thuận. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên việc làm ăn thua lỗ nên bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Do đó, ngày 14/01/2023, bà H có đưa cho bà M tờ giấy Biên nhận mượn tiền ghi ngày 14/01/2023 thể hiện bà M có vay của bà H tổng số tiền 7.500.000.000 đồng (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng) và bà M đã ký tên và điểm chỉ xác nhận vào văn bản này; chữ viết trong Biên nhận mượn tiền ngày 14/01/2023 là do phía bà H viết. Nay, bà M đồng ý trả cho bà H tiền nợ gốc là 7.500.000.000 đồng và xin bà H miễn tiền lãi chậm trả vì hoàn cảnh gia đình của bà M hiện nay rất là khó khăn. Đồng thời, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngày 06/7/2023, Tòa án ban hành Quyết định trưng cầu giám định dấu vân tay tại “*Biên nhận mượn tiền đề ngày 14/01/2023*”. Tại Kết luận giám định số 296/KL-KTHS (ĐV) ngày 11/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: Hai (02) dấu vân tay mang tên “*Trần Thị Ngọc M*”

trên “*Biên nhận mượn tiền*” đề ngày 14/01/2023 (ký hiệu A) so với dấu vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải của Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1974, nơi ĐKKH thường trú: Tổ 10, ấp L, xã Đ, U, tỉnh Bình Dương trên 01 “*Tờ khai chứng minh nhân dân*” và “*Chỉ bản*” vân tay mười ngón số 280551038, đề ngày 30/3/2009 (ký hiệu M) là của cùng một người in ra.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất thửa 378, tờ bản đồ số 02 tại phường P, thành phố U, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 659208, số vào sổ CS03126 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/01/2022 cho bà Trần Thị Ngọc M để đảm bảo việc thi hành án. Ngày 21/6/2023, Tòa án ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 21/6/2023.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 7.937.000.000 đồng, gồm nợ gốc 7.500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 15/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 07 tháng) với số tiền 437.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 7.500.000.000 đồng theo “*Biên nhận mượn tiền*” ngày 14/01/2023. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại: Tổ 10, ấp L, xã Đ, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc có mặt của các đương sự: Bị đơn bà Trần Thị Ngọc M được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin

xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về ký kết, thực hiện hợp đồng: Nguyên đơn xác định có cho bị đơn vay số tiền 7.500.000.000 đồng, hẹn thanh toán ngày 14/3/2023, đến hạn bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 7.500.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả số tiền 437.000.000 đồng tính từ ngày 15/3/2023 mức lãi suất 10%/năm. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Biên nhận mượn tiền đề ngày 14/01/2023. Nội dung biên nhận mượn tiền này thể hiện: *“Hôm nay ngày 14-01-2023. Tôi tên Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1974; CCCD số 074174004335 hiện ngụ tại ấp L, xã Đ, U, tỉnh Bình Dương. Ngày 14-01-2023 tôi có mượn của bà Cao Thị Minh H...số tiền 7.5.000.000.000 đồng (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng Việt Nam). Với lý do: Thu mua phế liệu. Nay tôi viết giấy vay nợ này cho bà H để làm tin và hẹn bà H đến ngày 14-03-2023 tôi sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền đã mượn như trên. Số tiền này bà H đã giao cho tôi và tôi đã nhận và đếm đầy đủ bằng tiền mặt...”*. Theo Kết luận giám định số 296/KL-KTHS (ĐV) ngày 11/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định dấu vân tay trong Biên nhận mượn tiền đề ngày 14/01/2023 là của bà Trần Thị Ngọc M in ra. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn và đồng ý trả số tiền 7.500.000.000 đồng cho nguyên đơn. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, việc bị đơn bà Trần Thị Ngọc M vay tiền của nguyên đơn bà Cao Thị Minh H là có thật. Xét thấy hình thức, nội dung hợp đồng vay tài sản là phù hợp các Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự, không vi phạm đạo đức xã hội, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng do đó Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết, các bên tham gia trong giao dịch này có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Bị đơn vay tiền phải có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay 7.500.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi chậm trả: Theo nội dung Biên nhận mượn tiền ngày 14/01/2023, các bên không có thỏa thuận về lãi suất vay, không thỏa thuận lãi suất chậm trả. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 15/3/2023 (ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm (làm tròn 07 tháng) với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn cho rằng hiện tại kinh tế khó khăn và đề nghị được miễn trả tiền lãi chậm trả nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận, bị đơn có nghĩa vụ trả nợ do đó cần thiết tiếp tục duy trì biện pháp bảo đảm cho

đến khi có quyết định thay đổi, hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định, án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu chi phí giám định, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Các điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Minh H đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

Buộc bà Trần Thị Ngọc M có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị Minh H số tiền là 7.937.000.000 đồng (Bảy tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 7.500.000.000 đồng và tiền lãi là 437.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí giám định: Bị đơn bà Trần Thị Ngọc M phải chịu chi phí giám định số tiền 6.000.000 đồng, nguyên đơn bà Cao Thị Minh H đã tạm ứng

chi phí giám định, do đó bà Trần Thị Ngọc M phải thanh toán lại cho bà Cao Thị Minh H số tiền 6.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Trả lại bà Cao Thị Minh H số tiền 57.975.000 đồng (Năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007676 ngày 18/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 115.937.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Lê